

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng mặt -Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thành N sống chung với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước. Quá trình sống chung vợ chồng chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mỗi người làm việc theo ý của mình, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nam Tuyền S, sinh ngày 20/3/1999 (nay đã trưởng thành), Nguyễn Nam Tuyền H, sinh ngày 11/10/2000. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Nam Tuyền N, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà T không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ ai

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Về hôn nhân: Ông N thừa nhận quá trình kết hôn đúng như bà Tuyền trình bày. Tuy nhiên nguyên nhân ly hôn là do bà Tuyền có quen với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Ông N cũng không còn tình cảm gì với bà T nhưng không đồng ý ly hôn tại các buổi hòa giải mà đến khi đưa vụ án ra xét xử mới đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nam Tuyền S, sinh ngày 20/3/1999, Nguyễn Nam Tuyền H, sinh ngày 11/10/2000. Ông N đồng ý giao con chung Nguyễn Nam Tuyền H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N xác nhận vợ chồng không nợ ai

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T cung cấp tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con (bản sao); còn bị đơn ông Nguyễn Thành N không cung cấp chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Thành N; giao con chung Nguyễn Nam Tuyền H, sinh ngày 11/10/2000 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản bà T, ông N không yêu cầu giải quyết; bà T, ông N xác nhận vợ chồng không nợ ai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 quyển số 09/1999 của UBND xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp cho bà T, ông N, Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thành N sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mỗi người làm việc theo ý của mình, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, nay tình cảm vợ chồng không còn, xét thấy: Ông N không đồng ý ly hôn tại các buổi hòa giải chỉ khi xét xử ông mới đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay ông N cũng không đồng ý ly hôn với lý do vắng mặt bà T. Tuy nhiên chính bản thân ông N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân từ một năm nay, xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, ông N không đồng ý ly hôn nhằm mục đích kéo dài thời gian ly hôn chứ không phải vì mục đích đoàn tụ gia đình. Ông N cho rằng bà T có quen với người đàn ông khác nhưng bà T không thừa nhận, ông N cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên lời khai này của ông N là không có cơ sở. Do vậy cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nam Tuyên S, sinh ngày 20/3/1999 (đã trưởng thành); Nguyễn Nam Tuyên H, sinh ngày 11/10/2000. Đối với con chung Nguyễn Nam Tuyên S hiện nay đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn con chung Nguyễn Nam Tuyên H, sinh ngày 11/10/2000 bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy: Hiện nay con chung bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng và cháu H có nguyện vọng được ở với bà T, ông N cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Do vậy cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về chia tài sản: Bà T, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà T, ông N xác nhận vợ chồng không nợ ai.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyên về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Nguyễn Thành Nam.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nam Tuyên S, sinh ngày 20/3/1999 (đã trưởng thành); Nguyễn Nam Tuyên H, sinh ngày 11/10/2000.

Giao con chung Nguyễn Nam Tuyên H, sinh ngày 11/10/2000 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông N và bà T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Bà Tuyên, ông Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Tuyên, ông Nam xác nhận vợ chồng không nợ ai.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004814 ngày 16/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- UBND xã Long Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Cường